

Đơn vị: Trung tâm QLHTGT đường bộ
Chương: 421

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý I/2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2024 so với quý 1/2023 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.1	nghe				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2024 so với quý 1/2023 (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	1.868.098	130.665	6,99%	136,86%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	33.524	11.019	32,87%	330,60%
6.1.1	Kinh phí NSNN cấp thực hiện bộ máy	18.429	2.683	14,56%	109,33%
	+ Kinh phí thường xuyên NSNN cấp (chi hoạt động)	18.429	2.683	14,56%	109,33%
	+ Nguồn CCTL NSNN cấp (tiết kiệm 10%)	-			
	+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng	-			
6.1.2	Kinh phí hoạt động sự nghiệp	15.095	8.336	55,22%	948,35%
	+ Chi phí ban QLDA	5.325	3.248	61,00%	13533,33%
	+ Thu giám sát, thu khác	4.810	4.000	83,16%	
	+ Thu cho thuê bảng quảng cáo (nộp NSNN 100%)	4.960	1.088	21,94%	127,25%
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.834.574	119.646	6,52%	129,85%
6.2.1	Nguồn cải cách tiền lương chi CNTT theo NQ 08	14.828	-	0,00%	
	+ Nguồn CCTL Ngân sách thành phố	14.828		0,00%	
6.2.2	Các công trình chuyển tiếp (02 công trình công nghệ thông tin):		-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2024 so với quý 1/2023 (tỷ lệ %)
	Xây dựng trang thông tin điện tử của đơn vị				
	Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý văn bản				
6.2.3	Kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông	2.628	-	0,00%	
	Xây dựng mô hình công viên ATGT tại Công viên Gia Định	20		0,00%	
	Kinh phí tuyên truyền, giáo dục ATGT bằng mô hình công viên ATGT tại Công	2.608			
6.2.4	Kinh phí thực hiện duy tu giao thông, kiến thiết thị chính	1.123.172	97.569	8,69%	106,08%
	- Duy tu giao thông	1.115.689	97.113	8,70%	106,08%
	+ Duy tu cầu	250.217	15.917	6,36%	77,94%
	+ Kiểm định cầu	15.513		0,00%	
	+ Duy tu đường - Tín hiệu giao thông	849.659	81.196	9,56%	114,16%
	+ Xây dựng định mức - đơn giá duy tu cầu, đường bộ - tín hiệu giao thông	300		0,00%	
	- Duy tu kiến thiết thị chính	7.483	456	6,09%	105,80%
	+ Tiền điện tín hiệu giao thông	3.276	456	13,92%	105,80%
	+ Chăm sóc công viên cây xanh, chiếu sáng, thoát nước (Mô hình công viên ATGT tại CV Gia Định)	4.207			
6.2.5	Nguồn kinh phí Sửa chữa công trình đường bộ theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	693.946	22.077	3,18%	16852,67%
	Nguồn kinh phí NS trung ương bổ sung có mục tiêu cho NS thành phố quản lý bảo trì đường bộ	228.472	22.077	9,66%	16852,67%
	Nguồn kinh phí Sửa chữa công trình đường bộ	465.474		0,00%	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2024 so với quý 1/2023 (tỷ lệ %)
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

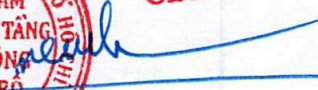
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2024 so với quý 1/2023 (tỷ lệ %)
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 12 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị 



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Xuân Vinh